

Số: /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị (sau đây gọi tắt là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 460/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Công văn số /STC-GCS ngày tháng 2 năm 2026 về việc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và Thông báo số 60/TB-VP ngày 13/01/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về kết luận của UBND thành phố tại phiên họp ngày 12 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg gồm:

a) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị hoặc bổ sung máy móc, thiết bị khác phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc ngoài các máy móc, thiết bị đã được quy định tại điểm đ, khoản 3 Điều 4; điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

b) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 và điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

c) Quyết định trang bị hoặc thay thế máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

d) Quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung

Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung cho cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp sau:

1. Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại Mục A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc đã quy định tại Mục B, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

3. Bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các loại máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A và Mục B của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

4. Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A và Mục B của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

5. Trang bị hoặc thay thế máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo

a) Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế áp dụng trên địa bàn thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

b) Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo áp dụng trên địa bàn thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng khác ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Khoản 1 Điều này

Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng (ngoài lĩnh vực y tế; giáo dục và đào tạo) cho cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định tiêu chuẩn, định mức, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng (ngoài lĩnh vực y tế; giáo dục và đào tạo) cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cho đến khi cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực XIII; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng;
- Thường trực HĐND thành phố; các ban HĐND thành phố Đà Nẵng;
- Chủ tịch, các PCT thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng;
- UBMTTQ thành phố các cấp;
- Các đoàn thể - chính trị xã hội thành phố;
- Sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các phường, xã, đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Cổng Thông tin điện tử TPĐN;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT, STC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh